

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Phòng.

2. Bà Lê Hải Yến.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, năm sinh 1987

Căn cước công dân số: 010187001651.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn R, năm sinh 1985

Căn cước công dân số: 010085001536.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Phan Văn R tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, đến ngày 17/10/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai, nay là xã C, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh R không chịu khó làm ăn, hay uống rượu, ít quan tâm đến gia đình vợ con, chị tham gia thì anh R lại đánh

chị, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, hiện chị và anh R đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh R không còn, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn R.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị T và anh R có hai người con chung là cháu Phan Thị H, sinh ngày 18/4/2009 và cháu Phan Văn Á, sinh ngày 25/9/2012, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H; giải quyết cho anh R được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Á, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị và anh R làm nghề trồng trọt, chăn nuôi tại địa phương và đi làm thuê thêm, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, anh chị có nhà riêng tại thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai, đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

+ Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn anh Phan Văn R trình bày: Anh nhất trí với chị T khai về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị T. Trong quá trình chung sống anh và chị T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T đi làm thuê không quan tâm, chăm sóc đến gia đình, gia đình hai bên cũng khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả; hiện anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Anh Phan Văn R nhất trí với chị Trương Thị T trình bày về con chung, trường hợp chị T quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu H, cháu Á cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Phan Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Phan Thị H có ý kiến được ở với chị Trương Thị T, cháu Phan Văn Á có ý kiến được ở với anh Phan Văn R.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của

Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Phan Văn R.

+ Về con chung: Giao cháu Phan Thị H, sinh ngày 18/4/2009 cho chị Trương Thị T, giao cháu Phan Văn Á, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Phan Văn R được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Trương Thị T và anh Phan Văn R không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Phan Văn R có địa chỉ tại thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì bị đơn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh R. Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Phan Văn R là hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh R không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn. Anh R thừa nhận anh và chị T đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, nhưng anh không đồng ý ly hôn chị T. Khi Tòa án hoà giải thì anh R vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh R là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Trương Thị T và anh Phan Văn R có hai người con chung: Cháu Phan Thị H, sinh ngày 18/4/2009 và cháu Phan Văn Á, sinh ngày 25/9/2012, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu H có ý kiến được ở với chị T, cháu Á có ý kiến được ở với anh R. Sau khi ly hôn chị T đề nghị giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu H; giải quyết cho anh R được nuôi dưỡng cháu Á; anh R đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hoa, cháu Á, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về khả năng, điều kiện kinh tế và nguyện vọng của con thì anh R và chị T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, nên cần giao con cho chị T và anh R có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản: Do chị Trương Thị T và anh Phan Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Trương Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Phan Văn R. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh R chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Phan Thị H, sinh ngày 18/4/2009 cho chị Trương Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18; giao cháu Phan Văn Á, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Phan Văn R được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Á đủ 18 tuổi; chị Trương Thị T và anh Phan Văn R không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Trương Thị T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001161 ngày 31/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 9-Lào Cai (2);
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Cốc Lầu;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương

